

Số: 33 /BC – THCS

TT Phong Sơn, ngày 27 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO
CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường tiểu học Cẩm Sơn

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ: Tổ dân phố Cửa Hà Thị trấn Phong Sơn huyện Cẩm Thủy tỉnh Thanh Hoá

Địa chỉ thư điện tử: thcamson.ct@thanhhoa.edu.vn

Địa chỉ trang thông tin điện tử (Website): : thcamson.pgdcamthuy.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập thuộc quyền quản lý trực tiếp của UBND huyện Cẩm Thủy; cơ quan chuyên môn phòng Giáo dục và Đào tạo Cẩm Thủy.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.

4.1 Tầm nhìn.

Duy trì chất lượng giáo dục bền vững. Là địa chỉ uy tín, tin cậy mà học sinh và cha mẹ các em sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại luôn có khát vọng vươn cao.

4.2. Sứ mạng.

Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân.

4.3. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường.

- Tinh thần, trách nhiệm - Sáng tạo đổi mới
- Hợp tác, chia sẻ, đoàn kết, dân chủ
- Kỷ cương, nền nếp, truyền thống, hội nhập.

4.4 Mục tiêu

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

- Hoàn thành mục tiêu được công nhận lại trường chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng mức độ 3 năm 2027

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.

Trường tiểu học Cẩm Sơn được thành lập năm 2002 (sáp nhập từ trường Tiểu học Cẩm Sơn I và Trường Tiểu học Cẩm Sơn II thuộc xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Thủy) trên quê hương giàu truyền thống cách mạng, giàu truyền thống lịch sử, văn hoá và hiếu học. Trong những năm qua, được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các bậc phụ huynh và nhân dân địa phương, cùng với sự nỗ lực cố gắng của các thế hệ Nhà giáo và học sinh, chất lượng giáo dục nhà trường luôn được duy trì và phát triển bền vững. Trường liên tục đạt danh hiệu: “Tập thể lao động xuất sắc cấp tỉnh”,

Bằng khen, được tặng cờ dẫn đầu thi đua của UBND tỉnh; được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng ba và được công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 2 năm 2022.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Thông tin người đại diện (Hiệu trưởng): Ngô Thị Hương
Số điện thoại: 0978371399 .Thư điện tử: tuanhuongcpct@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Quyết định số: /QĐ-UBND của UBND huyện Cẩm Thủy về việc sáp nhập từ trường Tiểu học Cẩm Sơn I và Trường Tiểu học Cẩm Sơn II

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số: 3241/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND huyện Cẩm Thủy, Quyết định kiện toàn Hội đồng trường các trường tiểu học thuộc huyện nhiệm kỳ 2021-2026;

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

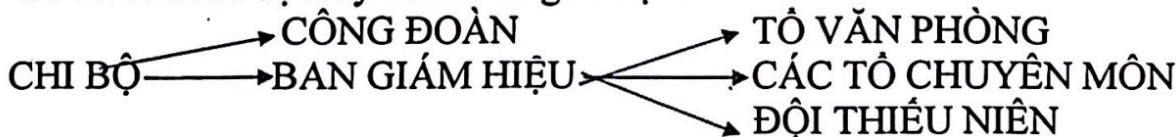
Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số: QĐ số: 2179/QĐ-UBND ngày 20/9/2022

Quyết định Phó Hiệu trưởng số: 2127/QĐ-UBND ngày 04/09/2020

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):

- Trường tiểu học Cẩm Sơn thực hiện tổ chức và hoạt động theo Luật Giáo dục và Thông tư số: 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học;

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Không

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Thông tin người đại diện (Hiệu trưởng): Ngô Thị Hương
Số điện thoại: 0978371399 .Thư điện tử: tuanhuongcpct@gmail.com

8. Các văn bản khác của nhà trường: Kế hoạch chiến lược phát triển trường tiểu học Cẩm Sơn giai đoạn 2023-2028; Quy chế dân chủ; các nghị quyết của Hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

T T	Nội dung	Tổ ng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp (hạng)			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th S	ĐH	CĐ	TC	D TC	IV	III	II	Tốt	K	Đạt	CĐ
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	24			23	1			0	11	12	13	9	1	
I	Giáo viên	21			20	1									
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	21			20	1			0	11	10	12	8	1	
1	GV văn hoá	14								5	9	7	6	1	
2	Ngoại ngữ	2			2					2		1	1		
3	Tin học	1			1					1		1			
4	Âm nhạc	1				1				1			1		
5	Mỹ thuật	1			1					1		1			
6	Thể dục	2			2					1	1	2			
I I	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1		1		
I I I	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

CBQL: tốt 1/2 tỷ lệ 50 %; khá 1/2 tỷ lệ 50 %

Giáo viên: Tổng 21 giáo viên

+ Xếp loại Tốt: 11 giáo viên, tỷ lệ: 52,3 %

+ Xếp loại Khá: 9 giáo viên, tỷ lệ: 43 %

+ Xếp loại Đạt: 1 giáo viên, tỷ lệ: 4,7 %

+ Xếp loại Chưa đạt: 0 giáo viên.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	14/14	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14/14	1,68 m ²
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	7.000 m ²	15,5 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)		
VI	Tổng diện tích các phòng	15000 m ²	3,33 m ²
1	Diện tích phòng học (m ²)	756 m ²	1,68 m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	108m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục âm nhạc (m ²)	56 m ²	1,75 m ²
	Diện tích phòng giáo dục mỹ thuật (m ²)	54 m ²	1.68 m ²
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	54 m ²	1.68 m ²
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	54 m ²	1.68 m ²
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	54 m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thông và hoạt động Đội (m ²)	30 m ²	
	Diện tích phòng y tế (m ²)	30 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	25 bộ	
1.1	Khối lớp 1	02 bộ	01 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	02 bộ	0.63 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	0 bộ	0 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	0bộ	0 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	0 bộ	0 bộ/lớp
2	Tổng số TB dạy học tối thiểu thiếu so với quy định		

2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số ti vi đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	18	01 cái/ lớp
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	
2	Tăng âm loa đài	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác:- Máy in	02	
6	Bảng tương tác	0	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	50 m ²
XI	Nhà ăn	50 m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Không		
XIII	Khu nội trú	Không		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	Không	100 m ²	60/60	0.2	0.2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	Không	Không	Không	Không	Không

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt

2.1. Danh mục sách giáo khoa lớp 1

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1.	Toán 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải,	Nhà xuất bản Giáo dục Việt

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
		Bùi Bá Mạnh.	Nam
2.	Tiếng Việt 1	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Lê Thị Lan Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương.	Nam
3.	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4.	Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên, kiêm chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5.	Mĩ thuật 1	Nguyễn Xuân Tiên (Tổng chủ biên), Hoàng Minh Phúc (chủ biên) Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Hồng Ngọc, Lâm Yên Như.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6.	Tự nhiên và Xã hội 1	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Trang, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
7.	Giáo dục thể chất 1	Đặng Ngọc Quang (Tổng chủ biên, kiêm chủ biên), Nguyễn Công Trường.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8.	Hoạt động trải nghiệm 1	Nguyễn Dục Quang (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Quang Tiệp, Ngô Quang Quế.	Nhà xuất bản ĐHSP TPHCM

2.2. Danh mục Sách giáo khoa lớp 2

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Việt 2	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Kim Phượng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Đặng Thị Hào Tâm.	
3	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng	Nhà xuất bản

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
		Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
6	Mĩ thuật 2	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Tự nhiên và Xã hội 2	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Giáo dục thể chất 2	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
	Hoạt động trải nghiệm 2	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế.	Nhà xuất bản ĐHSP TPHCM

2.3. Danh mục Sách giáo khoa lớp 3

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hào Tâm.	
	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
		Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	
	Tự nhiên và Xã hội 3	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
	Giáo dục thể chất 3	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
	Hoạt động trải nghiệm 3	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế.	Nhà xuất bản ĐHSP TPHCM
	Tiếng Anh 3 (i-Learn Smart Start)	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa.	Nhà xuất bản ĐHSP TPHCM
	Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đăng Cao Tùng, Đặng Bích Việt. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2.4. Danh mục Sách giáo khoa lớp 4

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	
	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Khoa học	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kèm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Lịch sử & Địa lí	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử) Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương. Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiến	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đông Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Giáo dục thể chất 4	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đình Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đình Thị Mai Anh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
	Hoạt động trải nghiệm 4	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quế.	Nhà xuất bản ĐHSP TPHCM
	Tiếng Anh 4 (i-Learn Smart Start)	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa.	Nhà xuất bản ĐHSP TPHCM
	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2.5. Danh mục Sách giáo khoa lớp 5

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
	Tiếng Việt (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hào Tâm.	
	Toán (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Đạo đức (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
	LS&ĐL (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Khoa học (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	GDTC (Cánh diều)	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đình Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đình Thị Mai Anh.	Công ty Vepic. Liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
	Âm nhạc (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXB Giáo dục Việt Nam
	Mĩ thuật (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên); Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	NXB Giáo dục Việt Nam
	HĐTN (Cánh diều)	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quế.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam. Liên kết: Nhà xuất bản Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
	Tin học (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	NXB Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Anh (i-Learn	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Dương Hoài Thương (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc	Nhà xuất bản Đại

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
	Smart Start)	Quyên, Lê Huỳnh Phương Dung.	học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	X
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	X
Tiêu chí 1.8		X	X	X
Tiêu chí 1.9		X	X	X
Tiêu chí 1.10		X	X	X
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	X
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X

Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5	x		

Kết luận: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3

1.2. **Đánh giá theo Chuẩn quốc gia:** Đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 2.

2. Kế hoạch cải tiến chất lượng

2.1. Năm học 2024-2025

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2023-2028 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính;

Năm học 2024-2025, thực hiện theo 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện sự chỉ đạo của Phòng GD&ĐT Cẩm Thủy trường tiểu học Cẩm Sơn tiếp tục xây dựng kế hoạch chỉ đạo công tác giáo dục của nhà trường chi tiết, cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và nhà trường, trong đó trú trọng đến việc cải tiến chất lượng giáo dục.

Năm học 2024-2025 nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch tập chung vào các điểm yếu, những tồn tại cần khắc phục. Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã kiện toàn Hội đồng tự đánh giá, chỉ đạo Hội đồng tự đánh giá, các tổ chức đoàn thể, bộ phận chuyên môn rà soát những điểm mạnh, điểm yếu, chủ động xây dựng kế hoạch để thực hiện.

Phân công các tổ công tác, phụ trách rà soát, đánh giá các tiêu chí, các tiêu chuẩn theo đúng nội hàm của từng chỉ báo; lập phiếu đánh giá các tiêu chí, hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá của nhà trường, đồng thời thu thập các minh chứng theo việc mô tả các nội hàm của chỉ báo.

- Tiếp tục phát huy và duy trì tốt những ưu điểm, những điểm mạnh mà nhà trường đã đạt được trong năm học 2023-2024 và những năm học trước đây. Cũng như phát huy kết quả mà nhà trường đã đạt được trong công tác kiểm định chất lượng và đạt trường chuẩn quốc gia Sở GD&ĐT và UBND tỉnh công nhận tháng 5/2022.

- Tiếp tục rà soát xây dựng kế hoạch và đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm cải tiến chất lượng, để khắc phục những điểm yếu của nhà trường còn tồn tại.

- Tiếp tục tăng cường công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, Phòng GD&ĐT để tạo điều kiện xây dựng và bổ sung đầy đủ cơ sở vật chất, các trang thiết bị dạy và học để góp phần đảm bảo theo đúng chuẩn quy định.

2.2. Nội dung thực hiện những năm tiếp theo.

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá cơ sở GDPT theo tinh thần Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT, qua đó mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận thấy rõ trách nhiệm và nhiệm vụ của bản thân, đồng thời chủ động trong công việc của mình được giao, góp phần hoàn thiện báo cáo, thu thập minh chứng, hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá, đăng ký kiểm định với cấp trên.

Chủ động tham mưu với chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo Gia Bình trong công tác đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và trong nhà trường. Đảm bảo cải tiến chất lượng thông qua khắc phục những điểm yếu, phát huy những điểm mạnh, đảm bảo đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 và đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2 theo chuẩn các tiêu chí.

- Tiếp tục giao cho các thành viên Hội đồng tự đánh giá, các bộ phận có liên quan rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn còn những điểm yếu, qua đó chủ động đưa ra các giải pháp đề xuất với Hội đồng trường, với Hiệu trưởng để khắc phục và cải tiến chất lượng, hoàn thành theo đúng yêu cầu đặt ra.

- Chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo Cẩm Thủy về việc tiếp tục quan tâm đầu tư xây mới khu hiệu bộ và các phòng chức năng, bổ sung cơ sở vật chất, các trang thiết bị dạy và học đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực công tác chuyên môn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo đạt chuẩn về đào tạo theo quy định mới của Luật Giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh:

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn của phòng GD &ĐT Cẩm Thủy bảo đảm công bằng, khách quan, minh bạch, chính xác và bảo đảm thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học.

Bảo đảm huy động 100% trẻ 6 tuổi trên địa bàn, đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT được tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2024-2025. Rà soát chính xác số trẻ 6 tuổi trên địa bàn xã đảm bảo đủ CSVCh phục vụ công tác dạy và học.

Thực hiện nghiêm túc quy định về: Thời gian tuyển sinh, hồ sơ tuyển sinh, độ tuổi và sĩ số học sinh trên một lớp.

Đảm bảo công khai về tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

Phân công nhiệm vụ cụ thể, cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về nhiệm vụ được phân công.

Chuẩn bị cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết, thành lập tổ công tác hỗ trợ và triển khai tuyển sinh của trường, đặc biệt là hình thức tuyển sinh trực tuyến.

Thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ trường tiểu học được ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT:

- Trẻ 6 tuổi (sinh năm 2018), trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi.

- Là những trẻ đã qua lớp mầm non 5 tuổi thuộc trường mầm non Cẩm Sơn, học sinh hộ khẩu nơi khác nhưng có đăng ký tạm trú tại Thị trấn Phong Sơn gồm 6 tổ dân phố: Đại Đồng, Hoàng Giang, Gia Dụ, Linh Thung, Trường Ngọc, Ngọc Sơn.

- Trẻ em (học sinh) khuyết tật, có hoàn cảnh đặc biệt: Thực hiện tuyển sinh với cả trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

* Chỉ tiêu tuyển sinh

- Số lớp: 02; Số học sinh: 63 học sinh.

* Phương thức, thời gian tuyển sinh

- Thực hiện phương thức xét tuyển, huy động tối đa trẻ 6 tuổi trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn vào học lớp 1 năm học 2024-2025.

Trường tiểu học Cẩm Sơn phối hợp với trường Mầm non Cẩm Sơn tổ chức tuyển sinh trẻ 6 tuổi trên địa bàn đang theo học tại trường Mầm non Cẩm Sơn.

Đối với những trẻ ở nơi khác có nhu cầu tuyển sinh sẽ phải có nộp hồ sơ theo quy định và phê duyệt của phòng GD &ĐT Cẩm Thủy.

*** Hình thức tuyển sinh**

Tuyển sinh theo 02 hình thức: Trực tiếp và trực tuyến

- Tuyển sinh trực tuyến:

Thời gian: Từ 18/7/2024 đến 28/7/2024;

Hướng dẫn cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh kê khai các thông tin phục vụ cho công tác tuyển sinh;

- Tuyển sinh trực tiếp

Thời gian: Từ 18/7/2024 đến 28/7/2024

Thực hiện với tất cả các đối tượng học sinh mà gia đình không thể đăng ký tuyển sinh trực tuyến do các điều kiện khách quan đem lại. Phụ huynh học sinh liên hệ Hội đồng tuyển sinh nộp hồ sơ tại trường và Hội đồng tuyển sinh thực hiện việc tuyển sinh và công bố kết quả trực tiếp tại trường.

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục (Chỉ tiêu phần đầu) năm học 2024-2025

2.1. Công tác phát triển Giáo dục và PCGDTH

- Tổng số lớp: 14 lớp ; Số học sinh: 424 HS. Sĩ số học sinh được duy trì và ổn định, không có học sinh bỏ học ;

+ Tỷ lệ trẻ đi học đúng độ tuổi đạt : 96.6%

+ Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1: đạt 100% ;

+ Học sinh học 6-7 buổi/ tuần: 100% ;

+ Học sinh lên lớp 423/424 tỷ lệ 99.7 %

+ Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 93/93 em tỷ lệ 100 %.

* Phổ cập giáo dục đạt mức độ 3.

2.2. Về chất lượng giáo dục: năm học 2024 – 2025 (Chỉ tiêu phần đầu)

2.2.1. Kết quả các môn học

Môn học	Mức độ	SL	TL	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
				Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
	Tổng số HS	424		65		87		93		86		93	
Tiếng Việt	Hoàn thành tốt	261	61.7	49	76.5	58	66.7	62	66	44	51.1	48	51.6
	Hoàn thành	161	38.1	14	22	29	33,3	31	34	42	48,9	45	48.4
	Chưa HT	1	0.2	1	1.5	0	0	0	0	0	0	0	0
Toán	Hoàn thành tốt	272	64.3	51	79.6	58	66.7	67	72	48	56	48	56
	Hoàn thành	150	35.5	12	18.9	29	33.3	26	28	38	44	45	48.4
	Chưa HT	1	0.2	1	1.5	0	0	0	0	0	0	0	0
Khoa học	Hoàn thành tốt	111	62							52	60.4	59	63.4
	Hoàn thành	68	38							34	39.6	34	36.6
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Lịch sử và Địa lý	Hoàn thành tốt	110	61.4							50	58,1	60	64,5
	Hoàn thành	69	38.6							36	41.9	33	35.5
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Môn học	Mức độ	SL	TL	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
				Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
	Tổng số HS	424		65		87		93		86		93	
Ngoại ngữ	Hoàn thành tốt	136	50					55	59.1	40	46.5	41	44
	Hoàn thành	136	50					38	40.9	46	53.5	52	56
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tin học & CN (Tin)	Hoàn thành tốt	164	60,2					60	64,5	51	59.3	53	57
	Hoàn thành	108	39,8					33	35,5	35	40.7	40	43
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tin học & CN (CN)	Hoàn thành tốt	160	58,8					57	61,2	50	58.1	53	57.0
	Hoàn thành	112	41,2					36	38,8	36	41,9	40	43.0
	Chưa HT	0	0					0	0	0	0	0	0
Đạo đức	Hoàn thành tốt	298	70,4	49	76.5	63	72.4	69	74,1	56	65	61	65
	Hoàn thành	125	29,6	15	23,5	24	27.6	24	25,9	30	35	32	35
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tự nhiên Xã hội	Hoàn thành tốt	175	71.7	47	73.4	63	72,4	65	69.8				
	Hoàn thành	69	28.3	17	26,6	24	27,6	28	30.2				
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Âm nhạc	Hoàn thành tốt	310	73,2	50	78.1	64	73,5	66	70.9	50	59,7	70	75.2
	Hoàn thành	113	26,8	14	21,9	23	26,5	27	29,1	26	30,3	23	24,8
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mỹ thuật	Hoàn thành tốt	273	64,5	45	70,3	60	68.9	61	65,5	50	58,1	57	61,2
	Hoàn thành	150	35,5	19	29.7	27	31,1	32	34,5	36	41,9	36	38,8
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
GDT C (Thể dục)	Hoàn thành tốt	309	73,0	50	78.1	63	72,4	66	70,9	50	59,7	70	75.2
	Hoàn thành	114	27	14	21,9	24	27,6	27	29,1	26	30,3	23	24,8
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Hoạt động trải nghiệm	Hoàn thành tốt	303	71,6	47	73.4	63	72,4	64	68,8	61	70,9	58	73,1
	Hoàn thành	120	28,4	17	26,6	24	27,6	29	31,2	25	29.1	25	26,9
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

2.2.2.Năng lực: Năng lực chung

Năng lực	Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
				Số Lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tổng HS		423		65		87		93		86		93	
Tự học và tự chủ	Tốt	282	66.6	49	76.5	64	73.5	60	64.5	52	60,4	57	61.2
	Đạt	140	33.2	14	22	23	26.5	33	35.5	34	39.6	36	38.8
	CCG	1	0.2	1	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0
Giao tiếp và hợp tác	Tốt	287	67.8	50	78.1	64	73.5	64	68.8	52	60.4	57	61.2
	Đạt	135	32	13	20,4	23	26.5	29	31.2	34	39.6	36	38.8

	CCG	0	0	1	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0
GQVĐ&ST	Tốt	273	64.5	49	76.5	63	72.4	58	62,3	49	56.9	54	58.0
	Đạt	149	35.3	14	22	24	27.6	35	37,7	37	43.1	39	42.0
	CCG	1	0.2	1	1.5	0	0	0	0	0	0	0	0

2.2.3 Năng lực đặc thù

Năng lực	Mức độ	SL	Tỉ lệ	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
				SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Tổng		423		65		87		93		86		93	
Ngôn ngữ	Tốt	303	71.6	49	76.5	64	74	68	73,1	58	67.4	64	69
	Đạt	119	28.2	14	22	23	27	25	26.9	28	32.6	29	31.2
	CCG	1	0.2	1	1.5	0	0	0	0	0	0	0	0
Tính toán	Tốt	283	66.9	49	76.5	64	73.5	66	70,9	50	58.1	54	58.0
	Đạt	139	32,9	14	22	23	27	27	29.1	36	41.9	39	42.0
	CCG	1	02	1	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0
Khoa học	Tốt	301	71.1	50	78	65	74.7	67	72	57	66.2	62	66.6
	Đạt	121	28.7	13	20,5	22	25.3	26	28	29	33.8	31	33.4
	CCG	1	0.2	1	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0
Thẩm mĩ	Tốt	306	72.3	49	76.5	65	74.7	67	72	60	69.7	65	69.8
	Đạt	117	27.7	15	23.5	22	25.3	26	28	26	30.3	28	30.2
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thể chất	Tốt	318	75.1	50	78.1	66	75.8	70	75,2	63	73.2	69	74.1
	Đạt	105	24.9	14	21.9	21	24.2	23	24.8	23	27	24	25.9
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tin học	Tốt	164	60,2					60	64,5	51	59.3	53	57
	Đạt	108	39,8					33	35,5	35	40.7	40	43
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Công nghệ	Tốt	160	58,7					57	61,2	50	58.1	53	57.0
	Đạt	112	41,3					36	38,8	36	41,9	40	43.0
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

2.2.4 Phẩm chất

Phẩm Chất	Mức độ	Toàn trường		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
		SL	TL	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ		
Yêu nước	Tốt	363	85.8	59	92.1	72	82.7	88	94.6	69	80.2	75	80.6
	Đạt	60	14.2	5	7.9	15	17.3	5	5.4	17	19.8	18	19.4
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nhân ái	Tốt	349	82.5	57	89.0	71	81.6	86	92.4	70	81.3	65	69.8
	Đạt	74	17.5	7	11.0	16	18.4	7	7.6	16	18.7	28	30.2
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Chăm chỉ	Tốt	317	74.9	54	84.3	66	75.8	77	82.7	60	69.7	60	64.5
	Đạt	106	25.1	10	15.7	21	24.2	16	17.3	26	30.3	33	35.5
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Trung thực	Tốt	318	75.2	52	81.2	68	78.1	73	78.3	63	73.2	62	66.6
	Đạt	113	24.8	12	18.8	19	21.9	30	21.7	23	26.8	31	33.4
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Trách nhiệm	Tốt	323	76.4	54	84.3	66	75.8	78	86.7	63	73.2	62	66.6
	Đạt	100	23.6	10	15.7	21	24.2	15	13.3	23	27	31	33.4
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

2.2.5. Chất lượng giáo dục

Khối	TSHS	KT KĐG	Hoàn thành Xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn Thành	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khối 1	65	1	35	54.6	13	20.3	14	22	1	1.5
Khối 2	87		42	48.3	16	18.4	29	33.3	0	0
Khối 3	93		42	45.2	12	12.9	39	41.9	0	0
Khối 4	86		24	27.9	15	17.4	47	45.7	0	0
Khối 5	93		20	21.5	22	20.5	51	58.0	0	0
Tổng	424	1	163	38.5	78	18.4	180	42.9	1	0.2

2.2.6. HS đạt giải trong kỳ thi, giao lưu các cấp

Khối	Giao lưu CLB cấp huyện				TDTT		Tin học trẻ		Viết thư UPU		
	RC V	TV	Toán	TA	H	T	H	T	T	H	Tinh
Khối 1	5								1		
Khối 2	5								1		
Khối 3	5				2				1	1	
Khối 4		6	5	3	2		3		1	1	
Khối 5		6	5	4	2		3	3	1	1	
Tổng	15	12	10	7	6		6	3	5	3	

2.2.7. HS đạt giải các kỳ thi sân chơi trí tuệ

Khối	Trang Nguyên Tiếng Việt		Vioedu	Vẽ tranh		
	Tỉnh	QG	Tỉnh	H	Tỉnh	QG
Khối 1	3		2			
Khối 2	3		2			
Khối 3	3		2			
Khối 4	3		2	1	1	
Khối 5	3		2	1		1
Tổng	15		10	2	1	1

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2023- 2024

2. Căn cứ kế hoạch dự thu – chi năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 3025 /QĐ- UBND Huyện ngày 23 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Cẩm Thủy về việc phân bổ dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước cho các đơn vị.

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

* Nguồn ngân sách nhà nước

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Tổng số thu, chi, tiền học phí			
I	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
1	Số thu phí, lệ phí			
A	Học phí			
B	Thu từ cấp bù học phí			
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề			
A	Chi lương			
B	Chi hoạt động			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.601.322.000	4.601.322.000	
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.601.322.000	4.601.322.000	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.873.381.000	3.873.381.000	
3.11	Quỹ tiền lương	3.422.892.000	3.422.892.000	
3.12	Chi hoạt động	450.489.000	450.489.000	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không	727.941.000	727.941.000	

	thường xuyên		
3.2.1	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất	55.000.000	55.000.000
3.2.2	Học sinh khuyết tật	13.960.000	13.960.000
3.2.3	Giáo viên dạy học sinh khuyết tật	30.468.000	30.468.000
3.2.4	Chế độ của NĐ76/2019/NĐ-CP		
3.2.5	Kinh phí cải cách tiền lương		
3.2.6	Các chế độ khác	628.513.000	628.513.000
3.2.7	Chi khác		

3. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND	39	26.100.000	
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	21	12.600.000	
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	18	13.500.000	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH	1	13.960.000	
Hỗ trợ học bổng			
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	1	5.760.000	
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	1	7.200.000	
Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập	1	1.000.000	
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	1	500.000	
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	1	500.000	

4. Công khai các khoản thu chi ngoài ngân sách năm học 2023-2024

TT	Khoản thu	Số tháng	Tổng thu	Tổng chi	Tồn
1	Phí xe đạp	9	5.490.000	5.490.000	
2	Quỹ đội	9	6.705.000	6.705.000	
3	Quỹ chữ thập đỏ	9	4.460.000	4.460.000	
4	Tiền nước uống	9	28.129.000	28.129.000	
5	Tiền vệ sinh	9	40.185.000	40.185.000	
6	Quỹ BDDCM		71.680.000	71.680.000	
7	Số liên lạc điện tử	năm	40.860.000	40.860.000	
8	Tiền ăn bán trú	9	126.850.000	126.850.000	

4. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2023

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	22	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	Không	
III	Các khoản giảm trừ	Đồng	3.177.876.000	
	Số lượng NPT tính giảm trừ	Người	22	
1	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Đồng	2.904.000.000	
2	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học			
3	Bảo hiểm được trừ	Đồng	273.876.000	
V	Thu nhập tính thuế			

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Việc triển khai đổi mới chương trình GDPT 2018

1.1. Công tác tham mưu, chuẩn bị, xây dựng kế hoạch

Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GD&ĐT Bắc Ninh, Phòng GD&ĐT Gia Bình và các văn bản chỉ đạo của ngành nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể cho năm học, học kỳ và từng tuần công khai để CBGV, NV được biết, thực hiện trong công tác được nhà trường giao. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường.

Nhà trường tiếp tục chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, tuyên truyền trong nhân dân về việc đổi mới chương trình GDPT 2018. Chủ động chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để thực hiện theo lộ trình, đồng thời chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể triển khai đến cán bộ, giáo viên và các bậc phụ huynh nhà trường. Tham mưu với UBND xã xây dựng bổ sung các công trình sân

trường, lớp học, hệ thống đường giao thông²¹ khu vực đỗ xe đón con ngoài cổng trường, tạo cảnh quan sư phạm và đặc biệt đảm bảo đủ các phòng học, phòng chức năng theo quy định.

1.2. Triển khai thực hiện

Nhà trường thường xuyên tổ chức cho cán bộ, giáo viên nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông tổng thể bằng nhiều hình thức (nghiên cứu tài liệu, học tập trực tuyến, thảo luận trong các tổ khối....).

Thường xuyên chỉ đạo triển khai việc dạy học chương trình sách giáo khoa với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy học cho phù hợp.

Kết quả việc thực hiện chương trình GDPT đặc biệt là chương trình SGK mới lớp 1, 2, 3, 4 rất thành công và được phòng GD&ĐT đánh giá cao.

Nhà trường chủ động tham mưu với UBND thị Trấn Phong Sơn, phòng GD&ĐT Cẩm Thủy trong việc trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học cho việc thực hiện đổi mới chương trình sách giáo khoa lớp 5 năm học 2024-2025.

2. Các điều kiện giáo dục:

Nhận thức rõ về hiệu quả của công tác bồi dưỡng, nhà trường luôn coi công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên vì giáo viên là người trực tiếp làm lên chất lượng giáo dục trong nhà trường. Do vậy ngay từ đầu năm học nhà trường đã chỉ đạo tốt công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ, đặc biệt là nâng cao năng lực chuyên môn cho giáo viên.

Thực hiện dạy đúng và đủ chương trình các môn học theo Kế hoạch giáo dục đồng thời quan tâm giáo dục toàn diện; thực hiện dạy tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường, kỹ năng sống, an toàn giao thông, giáo dục địa phương, giáo dục an ninh quốc phòng, giáo dục công dân số vào các môn học. . . thông qua đó làm tốt công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh.

Chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn trú trọng, quan tâm đổi mới PPDH, ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy và học, sử dụng hiệu quả TBDH hiện có Trong năm học nhà trường xây dựng kế hoạch bảo quản, sử dụng các phòng học, phòng chức năng, thiết bị đồ dùng.

Công tác xây dựng CSVC: Trong năm học, nhà trường tiếp tục tu sửa, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho dạy và học, tôn tạo cảnh quan môi trường luôn xanh-sạch-đẹp, là môi trường giáo dục an toàn cho học sinh

3. Công tác quản lý:

- Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch năm học: Căn cứ các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của ngành. Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Phòng GD&ĐT Cẩm Thủy, nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện năm học, học kỳ và từng tuần công khai để CBGV, NV được biết, thực hiện trong công tác được nhà trường giao. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Công tác kiểm tra: Kiểm tra thường xuyên bằng nhiều hình thức và có kế hoạch ngay từ đầu năm học. Qua kiểm tra, khảo sát, đánh giá, xếp loại công bằng dân chủ và được công khai trước tập thể sư phạm nhà trường. Kiểm tra đúng nguyên tắc,

đúng hướng dẫn, tham gia đóng góp ý kiến²², chỉ ra những điểm còn tồn tại giúp giáo viên chưa thực hiện tốt có hướng khắc phục. Trong năm học, nhà trường đã kiểm tra được 4 chuyên đề như: Thực hiện quy chế chuyên môn ; Chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học; Chuyên đề bảo quản và sử dụng tài chính, cơ sở vật chất ; Chuyên đề dạy thêm, học thêm... và các nội dung khác.

- Công tác quản lý tài chính, tài sản: Công tác tài chính được công khai, dân chủ, được bàn bạc trước hội đồng nhà trường. Chi tiêu tiết kiệm, chi đúng mục đích nhằm kịp thời động viên giáo viên và học sinh trong các hoạt động và các phong trào của nhà trường.

4. Công tác Đảng và các đoàn thể:

Thường xuyên triển khai đến cán bộ, đảng viên, cán bộ nhân viên nhà trường các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước, ngành giáo dục; thường xuyên cập nhật và phổ biến các văn bản chỉ đạo, quy định của ngành.

Xây dựng được mối đoàn kết, tập trung dân chủ trong công tác lãnh đạo, quản lý và điều hành của Chi bộ - BGH - Công Đoàn - Các tổ chức đoàn thể khác; hàng tuần đều họp giao ban để tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch của trường đạt hiệu quả.

Công tác xã hội hóa giáo dục: Với mục tiêu chung tay vì sự nghiệp giáo dục, nhà trường luôn thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, thường xuyên huy động các nguồn lực từ các tổ chức đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, các nhà hảo tâm để góp phần xây dựng nhà trường đáp ứng sự kỳ vọng và phát triển.

5. Các công tác khác:

Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tạo cho học sinh nhiều sân chơi bổ ích. Nhà trường đã xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh về tầm quan trọng của việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, là nơi để học sinh rèn luyện, học tập, phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ, hình thành thể hệ trẻ đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới

- Triển khai thực hiện ứng dụng CNTT trong quản lý dạy và học: Trong năm học, phát huy những mặt mạnh và ưu thế của những năm học trước, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy và học.

- Công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn Quốc gia: Nhà trường tiếp tục tham mưu với chính quyền địa phương trong công tác xây dựng và tu bổ cơ sở vật chất. Trong năm học nhà trường đã tiếp tục thực hiện tốt công tác tự kiểm định chất lượng và trường chuẩn quốc gia bằng việc thực hiện công tác tự đánh giá, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng để khắc phục những điểm yếu, những điểm còn tồn tại sau đánh giá ngoài..

6. Công tác thi đua, khen thưởng:

Công tác thi đua được nhà trường thường xuyên quan tâm triển khai, cụ thể trong năm học nhà trường đã phát động các phong trào thi đua và được cán bộ giáo viên hưởng ứng sôi nổi. Đặc biệt là hưởng ứng phong trào thi đua Đổi mới, sáng tạo

trong dạy và học. Trong công tác thi đua nhà trường thường xuyên quan tâm hoàn thành tốt các tiêu chí phấn đấu đạt Tập thể lao động xuất sắc cấp tỉnh.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường tiểu học Cẩm Sơn, nhà trường công khai đến lãnh đạo, cha mẹ học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2024-2025.

Nơi nhận:

- PGDĐT (b/c);
- Trang TTĐT;
- CB, GV, NV, PH;
- Lưu VT.

